TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 269/2024/HS-ST
Ngày 11-12-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Trí

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thảo;

Ông Phạm Văn Châu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 284/2024/TLST-HS ngày 11 tháng 11 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 300/2024/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 86/2024/HSST-QĐ ngày 05 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo:

Trần Văn L, sinh năm 1998 tại Kiên Giang; thường trú: ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang; tạm trú: tổ C, khu phố B, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá: lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Út C và bà Nguyễn Thị Ngọc G; tiền án: không; tiền sự: ngày 04/10/2021 bị Công an huyện T, tỉnh Kiên Giang xử phạt hành chính về hành vi làm hư hỏng tài sản; bị bắt, tạm giam từ ngày 15/8/2024 cho đến nay; có mặt.

- *Bị hại:* Bà Trần Thị Như Y, sinh năm 2005; thường trú: ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang; tạm trú: tổ C, khu phố B, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương *(em của bị cáo)*; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Ông Lê Văn T, sinh năm 1988; thường trú: thôn N, xã P, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; tạm trú: tổ D, khu phố B, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn L sử dụng ma túy từ năm 2023. L và bà Trần Thị Như Y là anh em ruột sống chung với cha mẹ là ông Trần Văn Út C và bà Nguyễn Thị Ngọc G tại phòng trọ số F khu N thuộc khu phố B, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Khoảng 17 giờ 00 phút ngày 14/8/2024, trong lúc bà Y đang giữ con nhỏ trong phòng trọ, còn bà G đang nấu cơm trong bếp, L đi chơi về nhìn thấy chìa khóa xe mô tô biển số 68T1-732.81 của bà Y đang để trên máy quạt hơi nước, còn xe để trước phòng trọ. Do hết tiền tiêu xài cá nhân, L nảy sinh ý định lấy xe này đem đi cầm nên đã lén lút lấy chìa khóa xe rồi đi ra ngoài phòng trọ lấy trộm xe mô tô 68T1-732.81. Sau khi lấy được xe, L điều khiển xe đến tiệm C1 (thuộc khu phố B, phường K) gặp ông Lê Văn T - chủ tiệm cầm đồ - cầm xe với số tiền 19.000.000 đồng. Số tiền này L đã tiêu xài cá nhân hết. Đến khoảng 17 giờ 30 phút ngày 15/8/2024, L quay về phòng trọ, biết gia đình đã trình báo Công an phường K việc L lấy trộm xe nên L đến Công an phường đầu thú. Công an phường tạm giữ vật chứng gồm:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Vision, biển số 68T1-732.81, màu xám tím, số máy JK03E8138440, số khung RLHJK0358PY014293 và Giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Trần Thị Như Y;

- 01 Hợp đồng cầm đồ số HĐ 24010002133 của Tiệm cầm đồ Anh Thư, tài sản cầm đồ là chiếc xe Vision biển số 68T1-73281;

- 01 căn cước công dân số 091098012590 mang tên Trần Văn L (bản photo).

Kết luận định giá tài sản số 152/KL-HĐĐGTS ngày 16/8/2024 của Hội đồng định giá tài sản thành phố T kết luận xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Vision, biển số 68T1-732.81, màu xám tím, số máy JK03E8138440, số khung RLHJK0358PY014293, đã qua sử dụng có giá trị là 30.667.000 đồng.

Bản Cáo trạng số 280/CT-VKSTU ngày 08/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Trần Văn L về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

- *Về trách nhiệm hình sự:* Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn L từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

- *Về trách nhiệm dân sự:* Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo Trần Văn L bồi thường cho ông Lê Văn T số tiền 19.000.000 đồng.

- *Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:* Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên trả lại cho bị hại Trần Thị Như Y xe mô tô Honda Vision, biển số 68T1-732.81 và giấy chứng nhận đăng ký xe.

Tại phiên tòa, bị hại Trần Thị Như Y thống nhất nội dung cáo trạng truy tố bị cáo, không yêu cầu bị cáo bồi thường về dân sự, yêu cầu được nhận lại xe và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Lê Văn T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 19.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, thống nhất tội danh, khung hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng, không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo cơ hội sửa chữa lỗi lầm để trở thành công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo Trần Văn L tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như vật chứng thu giữ và lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận:

Khoảng 17 giờ 00 phút ngày 14/8/2024, tại khu phố B, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương, Trần Văn L đã có hành vi lén lút chiếm đoạt xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Vision, biển số 68T1-732.81, màu xám tím, số máy JK03E8138440, số khung RLHJK0358PY014293 đã qua sử dụng có giá trị là 30.667.000 đồng của bà Trần Thị Như Y. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản". Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên truy tố bị cáo theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo đã thực hiện trong vụ án này là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của bị hại được pháp luật bảo vệ cũng như ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, an toàn xã hội của địa phương. Bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì lòng tham, muốn có tiền tiêu xài mà không phải lao động nên đã chiếm đoạt tài sản của người khác. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần phải xử mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại phiên tòa, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị

cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Lê Văn T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 19.000.000 đồng, bị cáo đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Xe mô tô Honda Vision, biển số 68T1-732.81 và giấy chứng nhận đăng ký xe là tài sản hợp pháp của bị hại nên cần trả lại cho bị hại.

[9] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phạm tội, bị kết án và phải bồi thường về dân sự nên phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Văn L phạm tội "Trộm cắp tài sản".

1. Về trách nhiệm hình sự: Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Văn L 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 15/8/2024.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584 và Điều 589 Bộ luật Dân sự,

Buộc bị cáo Trần Văn L phải bồi thường cho ông Lê Văn T số tiền 19.000.000 đồng (Mười chín triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật Dân sự.

3. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự,

T1 lại cho bà Trần Thị Như Y xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Vision, màu xám tím, biển số 68T1-732.81, số máy JK03E8138440, số khung Y014293 và Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 68000639, biển số 68T1-732.81 mang tên Trần Thị Như Y.

(Theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 26/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương).

4. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Buộc bị cáo Trần Văn L chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 950.000 đồng (Chín trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- PV06, Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- Công an thành phố Tân Uyên;
- Chi cục THADS thành phố Tân Uyên;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Văn Trí